

Số: 1768 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 165/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 278/2011/QĐ-UBND ngày 02/8/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện thống kê, công bố, công khai thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 153/TTr-SKH ngày 20/11/2012 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này: 05 (năm) thủ tục hành chính mới ban hành, 29 (hai mươi chín) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KHĐT (02);
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KSTTHC (02).

Bản điện tử:

- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTN.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Hải

PHỤ LỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

(Ban hành theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)



PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Thủ tục cho phép khảo sát địa điểm đầu tư để lập dự án đầu tư.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	06
2	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án (trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp/chi nhánh).	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	09
3	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án (trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp).	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13
4	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án (trường hợp gắn với thành lập chi nhánh).	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	17
5	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	21

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước không đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Áp dụng cho nhà đầu tư trong nước có dự án đầu tư từ 15 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	27
2	Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (Áp dụng cho nhà đầu tư trong nước có dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30
3	Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài (Áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài có dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	33
4	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	36
5	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	39
6	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42

	đự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.			
7	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với đự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng chính phủ.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	45
8	Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với đự án đầu tư trong nước gắn với thành lập chi nhánh (Áp dụng cho nhà đầu tư trong nước có đự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	49
9	Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với đự án có vốn đầu tư nước ngoài gắn với thành lập chi nhánh (Áp dụng cho đự án có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	52
10	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với đự án có quy mô trên 300 tỷ và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	55
11	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với đự án có quy mô dưới 300 tỷ và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	58
12	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với đự án có quy mô trên 300 tỷ và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập chi nhánh.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	61
13	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho đự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	64

	Chính phủ gắn với thành lập chi nhánh.			
14	Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước gắn với thành lập doanh nghiệp (Áp dụng cho nhà đầu tư trong nước có dự án đầu tư dưới 300 tỷ đồng không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	68
15	Thủ tục Đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài gắn với thành lập doanh nghiệp (Áp dụng cho dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện).	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	71
16	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô trên 300 tỷ và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	74
17	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô dưới 300 tỷ và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	77
18	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có quy mô trên 300 tỷ và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gắn với thành lập doanh nghiệp.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	81
19	Thủ tục Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ gắn với thành lập doanh nghiệp.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	84
20	Thủ tục Đăng ký điều chỉnh Giấy Chứng nhận đầu tư.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	88
21	Thủ tục Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	91

22	Thủ tục Thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư đối với dự án sau khi điều chỉnh thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng chính phủ mà không có trong quy hoạch hoặc thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện nhưng điều kiện đầu tư chưa được pháp luật quy định.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	94
23	Thủ tục Đăng ký điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	97
24	Thủ tục đăng ký Tạm ngưng thực hiện dự án đầu tư.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	100
25	Thủ tục Giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	102
26	Thủ tục Chuyển nhượng dự án đầu tư.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	104
27	Thủ tục Thanh lý dự án đầu tư.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	109
28	Báo cáo hoạt động của dự án đầu tư.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	111
29	Thủ tục chấp thuận đề xuất dự án BOT, BTO, BT của nhà đầu tư.	Đầu tư	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	113